

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 11 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Kính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho

2 Bà Nguyễn Ngọc Tải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Âu Đức T – Sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn R, huyện C, H

2/ Bị đơn: Bà Trần Ngọc B - Sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn R, huyện C, H

Có mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Âu Đức T trình bày: Ông T và bà B có thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh X, huyện C, tỉnh C (cũ) ngày 22/8/1995. Ông bà chung sống hạnh P đến tháng 05 năm 2020 thì PH sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, ông T cho rằng mâu thuẫn với gia đình bên vợ, do ông đang sống chung với gia đình bên vợ, mâu thuẫn về một số vấn đề tiền bạc, tài sản với gia đình bên vợ, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh P. Hiện nay ông bà đã ly thân nhau khoảng hơn 03 tháng, Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Ngọc B.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Âu Thanh P (nam) sinh ngày 04/8/1995 và Âu Vương Chấn PH (nam) sinh ngày 03/10/2005; hiện các con do bà B đang nuôi dưỡng, ông T đồng ý để cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu PH đến khi tròn 18 tuổi, ông không cấp dưỡng. Đối với cháu P đã lớn nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn bà Trần Ngọc B trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, về con chung và tài sản chung, còn về nguyên nhân PH sinh mâu thuẫn theo bà B là do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên mới tìm lý do để ly hôn với bà chứ gia đình bà vẫn đối xử tốt với ông T. Do bà B còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông bà có 02 con chung Âu Thanh P (Nam) sinh ngày 04/8/1995 cháu P đã lớn nên không yêu cầu giải quyết; Âu Vương Chấn PH (Nam) sinh ngày 03/10/2005, hiện cả 02 cháu do bà B đang nuôi dưỡng, bà B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu PH đến khi tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên PH biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Âu Đức T được ly hôn với bà Trần Ngọc B; Về con chung: Âu Thanh P (Nam) sinh ngày 04/8/1995, cháu P đã lớn nên không yêu cầu giải quyết; cháu Âu Vương Chấn PH (Nam); sinh ngày 03/10/2005, giao cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu PH đến khi tròn 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, nếu sau này PH sinh tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà B, ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà B ông T PH sinh mâu thuẫn nên ông T nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà B ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993, và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/1995 tại UBND xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành, Cần Thơ (cũ) nay là thị trấn Rạch Ròi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống PH sinh nhiều mâu thuẫn, ông T cho rằng ông T có những mâu thuẫn với gia đình bên vợ về một số vấn đề về tiền bạc, về tài sản, bà B cho rằng ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, cũng có chơi cờ bạc, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, ông T cho rằng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó bà và ông đã ly thân nhau hơn 03

tháng nay, bà cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không được.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên các bên hàn gắn tình cảm nhưng ông T, bà B vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên nhưng ông T vẫn không có thiện chí hàn gắn và cũng không muốn đoàn tụ với bà B và cương quyết xin ly hôn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà B ông T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4] Về con chung: Xét thấy ông bà có 02 con chung là Âu Thanh P (Nam) đã lớn nên không xem xét, đối với cháu Âu Vương Chấn PH (nam) sinh ngày 03/10/2005, hiện đang sống chung với bà B, được bà B chăm sóc chu đáo, cho học hành đầy đủ, ông T thống nhất để cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu PH đến khi thành niên là phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của cháu PH, vì vậy để bảo đảm sự PH triển ổn định của cháu PH sau này nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu PH cho bà B nuôi dưỡng là có cơ sở, bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên chưa xem xét. Ông Âu Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này PH sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Âu Đức T được ly hôn với bà Trần Ngọc B

2. Về con chung: Cháu Âu Thanh P (Nam) đã lớn nên không xem xét, tiếp tục giao cháu Âu Vương Chấn PH (Nam) sinh ngày 03/10/2005 cho bà B nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên chưa xem xét. Ông Âu Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này PH sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Âu Đức T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005595 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (ông T đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Kính**